| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **36/2020**/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2020
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Ông Võ Thành Bê.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXX-HN ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm: 1976 (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

** Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1976 (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng cư trú: Ấp A, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày và yêu cầu như sau*: Chị và anh Huỳnh Văn T chung soáng với nhau từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Cả hai đến với nhau là do gia đình mai mối, sau đó tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi đám cưới thì anh chị về sinh sống riêng tại ấp A, xã TH cho đến nay.

Trong qúa trình vợ chồng chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyeân nhaân maâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, anh T thường xuyên nhậu, ghen tuông vô cớ, về nhà kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập vợ con. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng

nhưng anh T không sữa đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn nên nay không thể hàn gắn được.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung Huỳnh Tuấn K (*sinh ngày 29/6/1998*) và cháu Huỳnh Thị Kim H (*sinh ngày 01/11/2002*). Hiện nay 02 cháu đang chung sống cùng anh T.

- *Về tài sản chung:* Trong thời gian chung sống, anh chị có tạo lập được 01 số T sản chung nhưng nay anh chị đã thỏa thuận để T sản lại cho con nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Hiện nay không có nợ chung.

Nay chị H yêu cầu

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

- *Về con chung*: Cháu K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Chị H đồng ý giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Huỳnh Văn T trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh xác nhận, anh và chị H chung soáng vôùi nhau từ năm 1997 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định; có 02 con chung; có T sản chung anh chị đã thỏa thuận được; không có nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là đúng. Nay, anh xét thấy hôn nhân của anh chị không hàn gắn được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Anh yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- *Chị H và anh T*: Vắng mặt

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Huỳnh Văn T là vợ chồng; Giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị H khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh T đang cư trú và sinh sống tại ấp A, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (*Có xác nhận của chính quyền địa phương*) là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng chị H và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Huỳnh Văn T chung sống từ năm 1997 nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (*UBND xã, phường, thị trấn nơi cả hai cư trú*) và cho đến khi chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh T thì anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn như vậy là vi phạm theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc dù anh chị chung sống trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị H và anh T xác nhận, trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 29/6/1998 và cháu Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày 01/11/2002. Hiện nay, cháu K đã có gia đình riêng nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Riêng đối với cháu H, anh chị tự thỏa thuận giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận này của anh chị là tự nguyện không ai ép buộc và phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Chị H và anh T xác nhận, trong thời gian chung sống anh chị có tạo lập được 01 số T sản chung nhưng hiện nay anh chị đã tự thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị H và anh T xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh T thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị H phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử***:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Huỳnh Văn T là vợ chồng.

2/ *Về con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh T và nguyện vọng của cháu H, tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Kim H (*sinh ngày 01/11/2002, giới tính nữ*) cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

AnhT không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Khi cần thiết, anh T có quyền yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*3/ Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Hồng H chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0007878 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp án phí xong.

4/ *Quyền kháng cáo*: Chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Lình**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.